

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1050/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 13/9/2017

V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ánh Minh
2. Ông Huỳnh Tiến Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 439/2017/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2017, về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 356/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 249/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2017, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thanh T - sinh năm 1993

Thường trú: Số 17/21, đường A, khu phố B, phường H , quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn: ông Trần Quang D- sinh năm 1993

Nơi cư trú cuối cùng: Số 421/8/15, đường D, khu phố C, phường H , quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2017 và lời trình bày của bà Trần Thanh T tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được: Bà và ông Trần Quang D tự nguyện chung sống có tổ chức hỏi cưới và đăng ký kết hôn vào năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường H , quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn cuộc sống chung hạnh

phúc cho đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông D không chăm lo cho gia đình, cờ bạc và bỏ việc không đi làm khiến cho kinh tế gia đình khó khăn. Bà và gia đình đã khuyên nhủ nhưng ông D không thay đổi mà còn chơi bời nhiều hơn dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt nên từ tháng 02/2017 ông bà đã sống ly thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân ông bà không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà không biết ông D hiện sinh sống ở đâu. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quang D.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Ngày 12/9/2017 bà Trần Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Ông Trần Quang D đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh của Công an phường H, quận T thì ông Trần Quang D có nơi cư trú cuối cùng tại quận Thủ Đức nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Nguyên đơn bà Trần Thanh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Quang D đã được tổng đạt hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, căn cứ quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Trần Thanh T và ông Trần Quang D tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 257/2013 quyền số 02/2013 do Ủy ban nhân dân phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2013. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Ngày 25/4/2017 bà Trần Thanh T nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Trần Quang D, trong quá trình giải quyết vụ án bà T kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà T, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà T và ông D kết hôn hợp pháp, theo bà T thì mâu thuẫn vợ chồng do ông D không chăm lo cho gia đình, không chí thú làm ăn và ông bà đã ly thân từ tháng 02/2017 cho đến nay. Hiện nay bà không biết ông D sinh sống ở đâu. Đối với ông Trần Quang D, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần đến Tòa để giải quyết vụ án nhưng ông D vắng mặt và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T. Như vậy, có căn cứ khẳng định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông D đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Không có.

[5] Về tài sản chung: Không có.

[6] Về nợ chung: Không có.

[7] Về án phí: Bà Trần Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 40, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thanh T và ông Trần Quang D.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Trần Thanh T phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Trần Thanh T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0015347 ngày 08/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Bà Trần Thanh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Trần Thanh T và ông Trần Quang D có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Thị Lệ Thủy